TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 07/7/2023.
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Đình Hoằng và ông Nguyễn Bá Lý.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Vân - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh 1982.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Tr, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Đỗ Văn Th qua tự nguyện tìm hiểu, sau đó cả hia tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 2001.

Quá trình chung sống thì chúng tôi chung sống bình thường, khoảng 5 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th hay ghen tuông vô lý, kiểm soát không cho tôi sống một cuộc sống bình thường. Nhiều lúc anh Th ăn

nhậu say xỉn còn đánh tôi, tôi đã nhiều lần nói chuyện nhưng anh Th vẫn không thay đổi mà tiếp tục cư xử với tôi rất lỗ mãng. Cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, trước đây tôi cố gắng kéo dài thời gian vì các con, nhưng càng lúc anh Th càng quá đáng khiến tôi nghĩ quẩn, tôi đã từng uống thuốc tự tử nhưng đã được gia đình cứu sống, thời gian tôi nằm viện anh Th rất thờ ơ không chăm lo gì cho tôi. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đỗ Văn Th.

- Về con chung: Thời gian chung sống cả hai chúng tôi có 03 con chung tên Đỗ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/9/2001; Đỗ Nguyễn Thanh Tr2, sinh ngày 20/12/2003 và Đỗ Nguyễn Đoan Tr3, sinh ngày 22/3/2010.

Cháu T và cháu Tr2 đã thành niên và tự lập nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Tr3 hiện do tôi là người trực tiếp chăm sóc dạy dỗ, tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Tr3 cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Tôi đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Tr3, vì vậy tôi không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi cháu Tr3 cùng tôi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Đỗ Văn Th: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên hoà giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa) cho anh Th theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; anh Th đã nhận được nhưng không đến Toà án để làm việc cũng không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại thành phố Pleiku nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về tình cảm giữa chị Tr với anh Th, chị Tr nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên không thể kéo dài và đề nghị được ly hôn với anh Th. Về con chung, theo nguyện vọng của chị Tr muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr3 và nguyện vọng của cháu Tr3 cũng muốn ở với chị Tr, vì vậy việc giao con chung là Đỗ Nguyễn Đoan Tr3, sinh ngày 22/3/2010 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập là hợp lý; riêng cháu T và cháu Tr2 đã thành niên tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung, chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Vây đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Tuyết Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Đỗ Văn Th có địa chỉ tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Tr và anh Th tự nguyện tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 11/3/2001 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương thì về tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh Th thì địa phương không nắm rõ vì gia đình không khai báo, địa phương chỉ biết anh Th với chị Tr vẫn sống chung một nhà, tuy nhiên anh Th không thường xuyên có mặt ở địa phương vào giờ hành chính.

Xét về tình cảm giữa chị Tr với anh Th, mặc dù cả hai vẫn sống chung một nhà nhưng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bản thân chị Tr không còn tình cảm yêu thương anh Th vì lý do anh Th luôn có những sự ghen tuông vô cớ và có lời nói xúc phạm đối với chị Tr làm tinh thần chị Tr luôn trong trạng Th mệt mỏi, chị Tr không còn tình cảm để tiếp tục sống chung với anh Th, chị Tr nhận thấy cả hai không có có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, từ đó mẫu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt dẫn đến chị Tr muốn được ly hôn anh Th là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, chị Tr với anh Th có 3 con chung là: Đỗ Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 22/9/2001, cháu Đỗ Nguyễn Thanh Tr2, sinh ngày: 20/12/2003 và cháu Đỗ Nguyễn Đoan Tr3, sinh ngày 22/3/2010. Đối với cháu T và cháu Tr2 đã thành niên tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Tr3 có nguyện vọng được ở với chị Tr và chị Tr cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Tr3. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, qui định rõ về việc: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Tr2 hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Xét về nguyện vọng của cháu Tr3 và nguyện vọng của chị Tr thì việc giao con chung chưa thành niên là Đỗ Nguyễn Đoan Tr3 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên là hoàn toàn hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Tr3 cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ***(Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)*** **và Danh mục án phí, lệ phí Toà án.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết Tr.

Chị Nguyễn Thị Tuyết Tr được ly hôn anh Đỗ Văn Th.

2. Giao con chung là Đỗ Nguyễn Đoan Tr3, sinh ngày 22/3/2010 cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên. Đối với Đỗ Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 22/9/2001 và Đỗ Nguyễn Thanh Tr2, sinh ngày: 20/12/2003 đã thành niên tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong Tr2 hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: 0003160 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (07/7/2023) để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Tr2 hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- *(UBND xã Trà Đa, TP Pleiku, Gia Lai; số: 08/2001, quyển số: 01. Ngày ĐKKH: 11/3/2001).*
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA